

VƯỢT LÊN TRÊN CÁC QUYỀN: FRANCISCO DE VITORIA VÀ VIỆC TÁI KHÁM PHÁ CÔNG LÝ

Thư gửi toàn Dòng nhân kỷ niệm 500 năm Francisco de Vitoria giảng dạy tại Salamanca (1526–2026)

Anh chị em thân mến,

Năm trăm năm trước, tu sĩ Đa Minh Francisco de Vitoria, một tu sĩ xuất sắc của Dòng Anh Em Giảng Thuyết và là môn sinh của Thánh Tôma Aquinô, đã đảm nhận ghế giáo sư thần học chính (*Cátedra de Prima*) tại Salamanca. Ngài góp phần khai mở một truyền thống thần học và trí thức có ảnh hưởng vượt xa phạm vi đại học, định hình những cuộc tranh luận về luật pháp, quyền bính chính trị, chiến tranh, thương mại, quyền của các dân tộc và quan hệ giữa các quốc gia trong những thế kỷ tiếp theo.

Ngày 5 tháng 6 năm 2026, Đại học Salamanca đã truy tặng người anh em của chúng ta bằng tiến sĩ danh dự. Tu sĩ Pablo Carlos Sicouly, OP, phụ tá Cha Bề trên Tổng quyền đặc trách đời sống trí thức, đã thay mặt Dòng đón nhận danh hiệu này. Ngài mô tả sự kiện ấy là “độc đáo, có ý nghĩa và đúng thời điểm”.

Thật vậy, những vấn đề mà Francisco de Vitoria đặt ra không chỉ thuộc về lịch sử. Trong một thế giới bị ghi dấu bởi chiến tranh, tình trạng di dời cưỡng bức, những yêu sách chủ quyền đối nghịch và các quan niệm khác nhau về công lý, những vấn đề ấy càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Francisco de Vitoria cần được nhìn nhận đúng nhất như một nhà thần học theo truyền thống Tôma đầy sáng tạo của thế kỷ XVI. Nền tảng tư tưởng Tôma của ngài đã được xác lập rõ ràng: ngài trưởng thành trong phong trào phục hưng tư tưởng Tôma của Dòng Đa Minh, cộng tác biên tập bộ *Tổng luận Thần học* (*Summa Theologiae*) của Thánh Tôma Aquinô cùng với Peter Crockaert, sử dụng bộ sách này làm khuôn khổ chính cho các bài giảng thần học tại Salamanca và soạn nhiều bản chú giải sâu rộng về tư tưởng của Thánh Tôma.

Nền tảng Tôma ấy thể hiện rõ trong các quan điểm giáo lý của ngài, đặc biệt trong cách trình bày về luật tự nhiên, cộng đồng chính trị, công ích, công lý và mối tương quan giữa luật tự nhiên với luật thành văn. Tuy nhiên, Francisco de Vitoria không chỉ đơn thuần là một nhà chú giải Thánh Tôma Aquinô. Ngài vận dụng các nguyên lý Tôma vào những hoàn cảnh mà Thánh Tôma không thể tiên liệu: cuộc gặp gỡ với các dân tộc châu Mỹ, địa vị pháp lý của những quốc gia mà người Kitô hữu chưa từng biết đến và các vấn đề luân lý nảy sinh từ quá trình bành trướng của châu Âu trên quy mô toàn cầu.

Vì thế, đóng góp của Francisco de Vitoria không phải là từ bỏ truyền thống Tôma, cũng không chỉ đơn giản lặp lại truyền thống ấy, nhưng là vận dụng sáng tạo truyền thống này để đáp ứng sự hình thành một trật tự chính trị thực sự mang tính toàn cầu. Ngài hiểu rõ thực tại ấy qua những người anh em cùng Dòng đã lên đường truyền giáo.

Thời điểm mang tính bước ngoặt này trong lịch sử Dòng ngày nay được gọi là **tiến trình Salamanca**: một tiến trình cộng tác lâu dài giữa các tu sĩ dẫn thân trong hoạt động mục vụ và các tu sĩ chuyên tâm nghiên cứu học thuật, tương tự sự cộng tác giữa các nhà truyền giáo tại Tân Thế giới và các nhà thần học ở Salamanca.

Nghịch lý của các quyền

Chúng ta đang sống trong một thời đại liên tục nói đến quyền con người: tự do, quyền tự chủ, bình đẳng, phẩm giá, chủ quyền, quyền tự quyết, quyền của người di cư và các quốc gia, quyền của trẻ em và cha mẹ.

Tuy nhiên, sự gia tăng không ngừng của ngôn ngữ về các quyền vẫn chưa giúp chúng ta hiểu rõ cách giải quyết những yêu sách đối nghịch nhau.

Khó khăn không chỉ nằm ở việc đôi khi các quyền xung đột với nhau. Chúng ta còn bất đồng về điều mà một quyền cụ thể thực sự bảo vệ, những nghĩa vụ mà quyền ấy đặt ra, phạm vi áp dụng của nó và các nguyên tắc cần thiết để xác định mối tương quan giữa quyền ấy với những quyền khác cũng như với công ích.

Từ năm 2020, cha Luc Thomas Somme, OP, khi ấy là điều phối viên Chương trình Tham gia Học thuật của tổ chức Đa Minh vì Công lý và Hòa bình tại Liên Hiệp Quốc, đã trình bày với gia đình Đa Minh mười chủ đề cần được phân tích, trong đó các quyền đặt ra những căng thẳng với nhau:

- Chủ nghĩa đa phương và chủ quyền quốc gia.
- Bảo vệ môi trường và phát triển.
- Quyền phụ nữ và quyền được sống.
- Quyền tự quyết và toàn vẹn lãnh thổ.
- Tính phổ quát của quyền con người và sự tôn trọng các nền văn hóa của các dân tộc.
- Tự do giáo dục và sự quản lý của nhà nước.
- Chống khủng bố và các quyền tự do cá nhân.
- Tự do ngôn luận và cuộc đấu tranh chống ngôn từ thù hận.
- Tiếp nhận người di cư và người tị nạn, cùng với việc điều tiết các luồng di cư.
- Quyền cá nhân và quyền cộng đồng.

Nghiên cứu ban đầu của cha Luc-Thomas cho thấy những “căng thẳng” này không phải tất cả đều cùng một loại. Có những trường hợp liên quan đến các giá trị thực sự cạnh tranh với nhau; có trường hợp liên quan đến phạm vi thích hợp của một quyền cụ thể; những trường hợp khác lại liên quan đến các nghĩa vụ tương ứng với các quyền.

Khi đọc về những căng thẳng này, chúng ta nhận ra một câu hỏi chung: Điều gì làm nên nền tảng của một quyền với tư cách là một quyền? Và cần dựa trên những nguyên tắc nào để sắp xếp các quyền trong một quan niệm toàn diện về công lý?

Như vậy, chúng ta đi đến một nghịch lý đáng chú ý. Ngôn ngữ về các quyền đã trở nên gần như phổ quát, trong khi sự đồng thuận về những nền tảng của ngôn ngữ ấy ngày càng khó đạt được.

Jacques Maritain từng kể lại một cuộc trao đổi tại một cuộc họp của Ủy ban Quốc gia UNESCO, khi những đại diện thuộc các lập trường ý thức hệ khác nhau đồng ý với một danh sách các quyền con người. Họ nói: “Vâng, chúng tôi đồng ý về các quyền, nhưng với điều kiện không ai hỏi chúng tôi tại sao!”

Trong những cuộc tranh luận đương đại, các bên đối lập đều viện dẫn quyền con người và phẩm giá con người. Đồng thời, họ cáo buộc phía bên kia vi phạm các quyền ấy. Vì thế, ngôn ngữ được sử dụng chung rộng rãi, nhưng những quan niệm nền tảng về con người, công lý và công ích lại thường không thống nhất. Rõ ràng, gọi tên một quyền không đồng nghĩa với việc xác lập được nền tảng của quyền ấy.

Dĩ nhiên, Francisco de Vitoria không cung cấp cho chúng ta những câu trả lời của thế kỷ XVI để có thể áp dụng nguyên xi vào thế kỷ XXI. Điều ngài mang lại là việc khôi phục những câu hỏi căn bản, bởi nếu thiếu chúng, quan niệm về các quyền có nguy cơ không có một nền tảng rõ ràng:

- Con người là gì, hay con người là ai?
- Công lý là gì?
- Chúng ta có bốn phận trao cho người khác điều gì?
- Mục đích của một cộng đồng chính trị là gì?
- Công ích là gì?
- Quyền bính chính trị có thẩm quyền đến đâu và những giới hạn của nó là gì?

Vì vậy, tôi xin đề xuất nhận định sau đây: cuộc khủng hoảng hiện nay trong diễn ngôn về các quyền không chủ yếu là cuộc khủng hoảng của chính các quyền, nhưng là cuộc khủng hoảng của những nền tảng giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa của các quyền.

Chúng ta ngày càng thành thạo trong việc gọi tên và khẳng định các quyền, nhưng lại kém rõ ràng hơn trong việc xác định quan niệm về con người, công lý và công ích làm nền tảng và giúp sắp xếp các quyền ấy một cách thích hợp.

Francisco de Vitoria có ý nghĩa quan trọng bởi quan niệm của ngài, dựa trên tư tưởng Tôma, về luật tự nhiên, công lý, cộng đồng chính trị và *ius gentium* — luật các dân tộc — không cung cấp một bộ câu trả lời của thế kỷ XVI cho những vấn đề của chúng ta. Thay vào đó, tư tưởng của ngài giúp khôi phục những nền tảng sâu xa mà nếu thiếu chúng, ngôn ngữ về các quyền cuối cùng sẽ trở nên thiếu ổn định.

Từ *ius* đến “các quyền”: Điều gì đã thay đổi và điều gì đã mất đi?

Theo tôi, sự rối ren về khái niệm liên quan đến các quyền mà chúng ta đang đối diện có những căn nguyên triết học sâu xa hơn. Tuy nhiên, đây không phải là câu chuyện đơn giản về sự biến mất của các quyền khách quan và sự xuất hiện đột ngột của các quyền chủ quan.

Dẫu vậy, đã có một thay đổi đáng kể trong cách hiểu ngày càng phổ biến về *ius*: trọng tâm dần chuyển từ điều công lý đòi hỏi một cách khách quan sang những quyền năng và khả năng của người sở hữu một quyền.

Đối với Thánh Tôma Aquinô, *ius* — từ mà chúng ta dịch là “quyền” — trước hết có nghĩa là *ipsa res iusta*, tức chính điều công chính. Đó là đối tượng của nhân đức công lý: điều thuộc về người khác theo mối tương quan giữa họ. Điều công chính được xác định dựa trên mối tương quan về sự cân xứng hoặc bình đẳng; cả quyền tự nhiên lẫn quyền do luật định đều thuộc về trật tự khách quan của công lý ấy.

Lịch sử phát triển sau đó phức tạp hơn nhiều so với sự đối lập đơn giản giữa tính khách quan của thời Trung cổ và tính chủ quan của thời hiện đại. Ngay từ thời Trung cổ, các nhà giáo luật và thần học gia đã phát triển những cách hiểu về *ius* để chỉ sự tự do hoặc khả năng thuộc về một người.

Điều thay đổi trong thời kỳ cận đại là cách hiểu này ngày càng trở nên nổi bật. Nơi Hugo Grotius, *ius* được hiểu rõ hơn như một phẩm tính luân lý thuộc về một người, một quyền năng để hành động hoặc sở hữu điều gì đó một cách hợp pháp.

Grotius vẫn duy trì những nền tảng đáng kể của luật tự nhiên, nhưng ông ngày càng nhấn mạnh cá nhân sở hữu quyền hơn là việc xác định một cách khách quan điều mà công lý đòi hỏi trong một mối tương quan.

Sự chuyển đổi trong lĩnh vực pháp lý phản ánh một biến đổi rộng lớn hơn trong cách hiểu hiện đại về chính trị thức: từ mối quan tâm đến chân lý, được hiểu là khát vọng tôn trọng sự vật theo chính bản tính của chúng, sang mối quan tâm đến ý nghĩa, được hiểu là khát vọng tổ chức sự vật dựa trên các dự án và kinh nghiệm của con người.

Trong cách nhìn tiền hiện đại, thực tại chính là điều tồn tại khác với chủ thể; đó là *res alia*, tức sự vật khác với chủ thể, mà trí tuệ tiếp nhận khả năng hiểu biết và công lý phải tôn trọng. Bước ngoặt hiện đại, hay “chủ quan”, đã thuần hóa hoặc đồng hóa tính khác biệt ấy. Thực tại trở thành chất liệu được tổ chức theo mục đích của con người, và *ius* cũng đi theo hướng đó: từ điều chúng ta có bốn phận trao cho người khác, trở thành điều chính mình đòi hỏi.

Khi một quyền chủ yếu được hiểu như khả năng hoặc phạm vi hành động được bảo vệ của cá nhân, câu hỏi mà quyền ấy trả lời thường quy về chính chủ thể, xoay quanh điều cá nhân có quyền đòi hỏi: “Tôi có quyền lựa chọn, yêu cầu hoặc sở hữu điều gì?”

Trái lại, trong khuôn khổ tư tưởng Tôma, câu hỏi được đặt ra trước tiên là vấn đề công lý: “Điều gì thuộc về tôi, thuộc về người khác và thuộc về cộng đồng mà chúng ta cùng là thành viên, xét theo lẽ công chính?”

Điều này không có nghĩa phủ nhận rằng các quyền chủ quan có thể mang giá trị luân lý đích thực. Vấn đề là một quyền bị tách khỏi quan niệm về con người, công lý và công ích sẽ không còn nền tảng để xác định mục đích hoặc giới hạn của chính nó.

Như vậy, ngôn ngữ về các quyền vẫn tồn tại, nhưng quan niệm sâu xa về công lý từng đặt nền tảng cho ngôn ngữ ấy trong một trật tự luân lý khách quan hiện đang bị tranh luận gay gắt.

Nếu nhận định này là đúng, đóng góp của Francisco de Vitoria sẽ trở nên rõ ràng. Mối quan tâm của ngài không phải là xây dựng một nền chính trị hiện đại lấy các quyền làm trung tâm, nhưng là hiểu các quyền trong khuôn khổ rộng lớn hơn của thần học và triết học về công lý.

Các quyền cần có những nền tảng vượt lên trên chính chúng: một quan niệm về con người, những giá trị khách quan, các nghĩa vụ chúng ta phải thực hiện đối với nhau và công ích, trong đó những yêu sách của cá nhân cũng như cộng đồng được đặt vào đúng trật tự.

Điều mà sau này Francisco de Vitoria trình bày và phát triển trong các giảng đường tại Salamanca đã được tu sĩ Đa Minh Antonio de Montesinos rao giảng tại Hispaniola từ trước, trong bài giảng nổi tiếng vào Chúa Nhật thứ IV Mùa Vọng năm 1511.

Montesinos không bắt đầu bằng lời tuyên bố: “Những người bản địa này có quyền con người.” Ngài bắt đầu bằng những câu hỏi căn bản hơn:

1. “Các ông dựa vào quyền nào và công lý nào để làm điều đó?”
2. “Họ chẳng phải là những con người sao?”
3. “Các ông chẳng có bốn phận yêu thương họ như chính mình sao?”

Trình tự của những câu hỏi này rất có ý nghĩa. Montesinos bắt đầu từ công lý, chuyển sang bản tính và phẩm giá của con người, rồi đến bốn phạm đối với tha nhân. Trước khi xác định bất cứ ai có thể đòi hỏi điều gì như một quyền, ngài bắt đầu bằng việc tìm hiểu sự thật về con người và những gì công lý đòi hỏi từ sự thật ấy.

Ngài đã diễn đạt thành lời câu hỏi về luân lý và nhân học mà sau này Francisco de Vitoria trình bày một cách có hệ thống trong thần học.

Francisco de Vitoria bắt đầu từ con người và công lý

Một trong những cảm dỗ lớn khi giải thích tư tưởng Francisco de Vitoria là quá nhanh chóng biến ngài thành một tác giả thế kỷ XVI sử dụng những phạm trù của chúng ta ngày nay.

Tuy nhiên, Francisco de Vitoria không có hệ thống khái niệm của diễn ngôn hiện đại về quyền con người. Lập luận của ngài được hình thành từ Kinh Thánh, Aristote, Thánh Augustinô, Thánh Tôma Aquinô, giáo luật, luật Rôma, luật tự nhiên, *dominium* và *ius gentium*.

Dẫu vậy, cũng sẽ là sai lầm nếu cho rằng ngài hoàn toàn không có khái niệm về quyền chủ quan. Trong phần chú giải giáo huấn của Thánh Tôma Aquinô về việc hoàn trả, chính Francisco de Vitoria định nghĩa *ius* là *potestas vel facultas*, nghĩa là quyền năng hoặc khả năng thuộc về một người theo luật pháp.

Vì thế, tư tưởng của ngài nằm tại giao điểm quan trọng: ngài tiếp nhận quan niệm Tôma về *ius* như điều công chính hoặc điều thuộc về người khác theo lẽ công bằng, đồng thời sử dụng một cách diễn đạt phát triển hơn về các quyền như những khả năng hoặc hình thức của *dominium* — quyền sở hữu hay quyền làm chủ.

Ngài kết hợp hai chiều kích của truyền thống pháp lý: câu hỏi khách quan về điều mà công lý đòi hỏi và câu hỏi chủ quan về điều thuộc về một người nhờ quyền sở hữu hợp pháp của họ. Tuy nhiên, điểm khởi đầu của ngài vẫn là con người trong một trật tự luân lý khách quan.

Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi Francisco de Vitoria đối diện với vấn đề các dân tộc tại châu Mỹ. Câu hỏi không đơn giản là: “Người Tây Ban Nha có những quyền gì?” Cũng không chỉ là: “Vương quyền Tây Ban Nha nên ban cho các dân tộc bản địa những quyền nào?”

Câu hỏi căn bản hơn liên quan đến quyền sở hữu và địa vị pháp lý của những dân tộc này trước khi người Tây Ban Nha đặt chân đến: như Francisco de Vitoria diễn đạt, liệu họ có phải là những “chủ sở hữu đích thực” (*veri domini*), trong cả lĩnh vực công pháp lẫn tư pháp, và do đó có tư cách là những chủ thể của luật tự nhiên hay không?

Trong tác phẩm *De Indis*, Francisco de Vitoria trực tiếp xem xét vấn đề này, đồng thời bác bỏ những lập luận cho rằng việc không có đức tin Kitô giáo, tội lỗi hoặc bị cho là thiếu năng lực lý trí có thể tước đoạt quyền sở hữu của các dân tộc bản địa.

Về vấn đề cụ thể này, kết luận của ngài rất rõ ràng: trước khi người Tây Ban Nha đến, các dân tộc bản địa đã thực sự có quyền sở hữu tài sản và quyền bình chính trị, cả trong lĩnh vực công lẫn tư.

Nền tảng nhân học thần học của lập luận này có ý nghĩa quyết định. Quyền sở hữu không phải là điều con người chỉ có được nhờ thuộc về một cộng đồng chính trị nhất định, nhờ lãnh nhận Bí tích Rửa Tội hay nhờ được một vị quân chủ châu Âu công nhận. Quyền ấy bắt nguồn từ bản tính con người: con người là thụ tạo có lý trí và tự do, được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa và có khả năng làm chủ hành vi của mình.

Vì thế, tội lỗi không tự động xóa bỏ quyền sở hữu, và việc không tin theo Kitô giáo không đặt một dân tộc ra ngoài trật tự luân lý.

Lập luận của Francisco de Vitoria do đó diễn đạt bằng ngôn ngữ pháp lý một khẳng định căn bản: người khác không trở thành chủ thể của công lý chỉ vì chúng ta công nhận họ là như vậy; trái lại, chúng ta có bốn phận công nhận điều công lý vốn đã đòi hỏi phải dành cho họ, bởi chính con người họ là như thế.

Tuy nhiên, chúng ta cũng không nên lý tưởng hóa Francisco de Vitoria. Lập luận của ngài về quyền giao tiếp và đi lại có đặt ra một giới hạn bảo vệ: “Người ngoại quốc không được gây tổn hại và phải tôn trọng quyền bính của cộng đồng tiếp nhận họ.” Nhưng trên thực tế, giới hạn này đã tỏ ra yếu hơn nhiều so với nguyên tắc ban đầu.

Quyền đi qua một vùng đất dần trở thành quyền buôn bán; rồi việc một dân tộc từ chối giao thương có thể bị xem là chính sự tổn hại để biện minh cho chiến tranh chống lại họ. Ngay cả Melchor Cano cũng nhận ra điều đó: người Tây Ban Nha đến không phải với tư cách những khách lữ hành, nhưng là những kẻ chinh phục.

Ý nghĩa của Francisco de Vitoria không nằm ở việc ngài đã tiên liệu quyền con người hiện đại, cũng không phải ở chỗ ngài đưa ra những lập luận mà đế quốc không thể lợi dụng. Ý nghĩa của ngài nằm ở việc đặt các quyền trên nền tảng một quan niệm về con người và sắp xếp chúng theo công lý — một chuẩn mực nghiêm ngặt đến mức có thể dùng chính chuẩn mực ấy để chất vấn những kết luận của ngài.

Vì thế, việc bảo vệ quyền sở hữu của các dân tộc bản địa nơi Francisco de Vitoria không phải là đặt các quyền thay thế công lý, nhưng là hiểu các quyền dưới ánh sáng công lý.

Luật các dân tộc (*Ius gentium*) và cộng đồng nhân loại phổ quát

Làm thế nào những dân tộc không cùng chia sẻ một đức tin hay một quyền bính tối cao vẫn có thể bị ràng buộc với nhau bởi công lý? Quan niệm về *Ius gentium* của Francisco de Vitoria đưa ra câu trả lời bằng cách đặt các cộng đồng chính trị riêng biệt trong một trật tự pháp lý rộng lớn hơn.

Trong tác phẩm *De potestate civili* (Về quyền bính dân sự), ngài mô tả toàn thể thế giới, tức *orbis*, như “một cộng hòa theo một nghĩa nào đó” (*aliquo modo una respublica*), có thẩm quyền thiết lập những luật lệ mang sức mạnh của luật pháp (*vis legis*). Như vậy, cộng đồng nhân loại phổ quát có địa vị pháp lý mà không cần trở thành một chính quyền duy nhất.

Quan niệm của Francisco de Vitoria dựa trên bản tính xã hội của con người, đồng thời nhìn nhận sự đồng thuận và thẩm quyền gần như lập pháp của toàn thể thế giới (*totus orbis*). *Ius gentium* không đơn thuần là luật tự nhiên, cũng không chỉ là một thỏa thuận tự nguyện. Các quy tắc của luật này hình thành từ sự tương tác giữa lý trí tự nhiên, công ích và thẩm quyền của cộng đồng nhân loại phổ quát. Vì thế, những quy tắc liên quan đến giao tiếp, đi lại, thương mại và quan hệ giữa các dân tộc có giá trị vượt qua những ranh giới chính trị và tôn giáo.

Hình dung của Francisco de Vitoria về nhân loại như “một cộng hòa theo một nghĩa nào đó” đem lại một cách nhìn đáng chú ý, khác với những mô hình “trật tự thế giới” từng xuất hiện trong thế kỷ trước: đó là một cộng đồng phổ quát bao gồm các cộng đồng chính trị riêng biệt nhưng không trở thành một quyền lực tối cao toàn cầu.

Tuy nhiên, Francisco de Vitoria chưa giải quyết được vấn đề thể chế nảy sinh từ nguyên tắc này: làm thế nào một cộng đồng pháp lý phổ quát có thể thực thi thẩm quyền nếu không có một thiết chế duy nhất đủ khả năng đại diện cho cộng đồng ấy? Chiến tranh và bất công vẫn tiếp diễn giữa các dân tộc, cho thấy sự tồn tại của những chuẩn mực phổ quát tự nó chưa đủ để bảo đảm các chuẩn mực ấy được thực thi nhất quán.

Ý nghĩa lâu dài trong tư tưởng của Francisco de Vitoria nằm ở việc kết hợp hai xác tín: cộng đồng nhân loại phổ quát có thể sở hữu thẩm quyền pháp lý mà không cần trở thành một nhà nước toàn cầu, dù hình thức thể chế thích hợp để thực hiện nguyên tắc ấy vẫn chưa được xác lập đầy đủ.

Đức Thánh Cha Lêô XIV cũng khẳng định giá trị hiện thời của trực giác có từ 500 năm trước này:

“Trực giác về *totus orbis* — một cộng đồng nhân loại rộng lớn hơn bất kỳ quyền lực riêng biệt nào — đã giúp khẳng định sự tồn tại của những mối liên kết pháp lý và luân lý giữa các dân tộc. Từ Tây Ban Nha, những suy tư của Trường phái Salamanca, đặc biệt là của tu sĩ Francisco de Vitoria cùng các tu sĩ Đa Minh và Dòng Tên khác, đã góp phần hình thành một ý thức pháp lý và luân lý, nhắc nhở rằng quyền bính luôn đi đôi với trách nhiệm, và mỗi con người phải được nhìn nhận là chủ thể của các quyền và nghĩa vụ. Khát vọng ấy vẫn tiếp tục vang vọng hôm nay: phẩm giá, công lý và công ích phải là thước đo các mối tương quan xã hội, cả ở cấp quốc gia lẫn quốc tế.”

***Ius communicationis*: Gặp gỡ người khác**

Trong tác phẩm *Relectio de Indis* (Bài giảng về người bản địa châu Mỹ) năm 1539, Francisco de Vitoria lập luận rằng con người, do bản tính xã hội, có quyền giao tiếp với nhau vượt qua các ranh giới chính trị. Từ *ius gentium*, ngài xác định các quyền đi lại, lưu trú, buôn bán và giao tiếp trong hòa bình. Ngài xem đây là căn cứ chính đáng đầu tiên để người Tây Ban Nha hiện diện tại châu Mỹ, với điều kiện người nước ngoài không gây tổn hại và tôn trọng quyền bính của cộng đồng tiếp nhận họ.

Không nên hiểu điều này như một phiên bản thế kỷ XVI của quyền di cư không giới hạn. Francisco de Vitoria không xóa bỏ các đường biên chính trị, cũng không phủ nhận quyền của các cộng đồng chính trị trong việc điều chỉnh quan hệ với người nước ngoài. Điều ngài muốn nhấn mạnh là các đường biên chính trị không quyết định toàn bộ phạm vi những nghĩa vụ luân lý mà con người phải dành cho nhau.

Người xa lạ trước hết là một con người, chứ không chỉ là người lao động, người tiêu dùng, một mối đe dọa đối với an ninh hay một vấn đề chính trị. Điều này không có nghĩa là nhà nước hoặc quyền bính hợp pháp không được điều chỉnh việc nhập cảnh, cư trú, thương mại hay trật tự công cộng. Câu hỏi cần đặt ra luôn là: trong hoàn cảnh cụ thể này, công lý đòi hỏi điều gì, khi phải cân nhắc cả phẩm giá của con người lẫn công ích?

Quyền, nghĩa vụ và những giới hạn của quyền lực

Cách đọc tư tưởng Francisco de Vitoria theo truyền thống Tôma giúp khôi phục ngôn ngữ về nghĩa vụ trong các cuộc thảo luận về quyền.

Trong Tổng hội tại Biên Hòa, tôi từng nhận xét rằng mỗi tu sĩ được đón nhận vào Dòng đều có quyền được đào luyện theo tinh thần Đa Minh đích thực. Ngay sau đó, một nghị huynh đáp lại: “Và có nghĩa vụ sống đúng với sự đào luyện ấy!” Quả vậy, mọi quyền đích thực đều nằm trong một trật tự luân lý bao hàm những nghĩa vụ tương ứng.

Yêu sách chính đáng của người nghèo về những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống đặt ra trách nhiệm cho những người đang sở hữu của cải dư thừa. Quyền của trẻ em đi đôi với trách nhiệm của cha mẹ, cũng như quyền của công dân gắn liền với nghĩa vụ đối với cộng đồng chính trị. Quyền bính chính trị cũng kéo theo trách nhiệm đối với những người thuộc quyền mình, trong khi chủ quyền quốc gia vẫn phải chịu những giới hạn do công lý đặt ra.

Ngay cả tự do cá nhân cũng không phải là điều hoàn toàn không có định hướng: tự do phải hướng đến chân lý và điều thiện. Các cuộc tranh luận hiện đại thường đặt câu hỏi: “Tôi có quyền được hưởng điều gì?” Theo Francisco de Vitoria, chúng ta cần đặt thêm hai câu hỏi: “Người khác đáng được nhận điều gì?” và “Vậy tôi có nghĩa vụ phải làm gì?”

Khi một người khẳng định quyền sở hữu tư nhân, câu hỏi theo truyền thống Tôma không chỉ là quyền ấy có tồn tại hay không, nhưng còn là quyền ấy nhằm mục đích gì và kéo theo những nghĩa vụ nào.

Thánh Tôma Aquinô bảo vệ quyền sở hữu tư nhân vì quyền này cần thiết cho trật tự và hòa bình. Tuy nhiên, ngài nhấn mạnh rằng việc sử dụng của cải vật chất phải hướng đến nhu cầu của mọi người. Trong trường hợp khẩn cấp, những gì một người sở hữu vượt quá nhu cầu của mình thuộc về người nghèo đang lâm cảnh túng thiếu. Quyền sở hữu là có thật, nhưng không tồn tại biệt lập; quyền ấy chịu sự chi phối của nguyên tắc **của cải trần thế được dành cho tất cả mọi người**.

Tương tự, khi một người vi phạm quyền tự chủ thân thể, câu hỏi quyết định là chúng ta đang nói đến loại hữu thể nào và hữu thể ấy có phải là chủ thể của công lý hay không. Nói cách khác, đứa trẻ chưa chào đời có phải là một con người mà chúng ta có nghĩa vụ phải tôn trọng và bảo vệ hay không? Nếu có, quyền tự chủ của một người không thể tự mình quyết định tất cả những gì thuộc về người khác. Trong mỗi trường hợp, các quyền cần được xem xét trong toàn bộ trật tự công lý, chứ không thể chỉ được khẳng định như thể ý nghĩa và giới hạn của chúng đã tự hiển nhiên.

Trong tác phẩm *De iure belli* (*Về quyền chiến tranh*), Francisco de Vitoria áp dụng cùng nguyên tắc ấy vào hình thức thực thi quyền lực chính trị cực đoan nhất: chiến tranh.

Không thể biện minh cho chiến tranh chỉ vì một nhà cầm quyền có quyền phát động chiến tranh, cũng không thể chỉ dựa vào niềm tin của một quốc gia rằng mình có lý. Francisco de Vitoria nhấn mạnh rằng một vị quân vương không thể chỉ dựa vào niềm tin chủ quan rằng chính nghĩa thuộc về mình, bởi ông có thể đang hành động trong “sự sai lầm không thể vượt qua, hoặc dưới ảnh hưởng của một đam mê nào đó”.

Vì thế, nhà cầm quyền phải “cẩn trọng xem xét tính chính đáng và những nguyên nhân của chiến tranh”, lắng nghe lập luận của đối phương và tham khảo ý kiến những người khôn ngoan, có thể phát biểu “một cách tự do, không giận dữ, thù hận hay tham lam”.

Ngay cả trong một cuộc chiến chính nghĩa, người vô tội tuyệt đối không được cố ý sát hại, và không phải mọi tổn hại đều đủ để biện minh cho những kinh hoàng của chiến tranh. Khi chiến thắng, vị quân vương còn phải coi mình “như một thẩm phán đang xét xử giữa hai cộng đồng chính trị”, đưa ra phán quyết “không phải với tư cách công tố viên, nhưng với tư cách thẩm phán”.

Ngay cả những người nắm quyền lực lớn nhất cũng phải phục tùng công lý.

Bản tính con người, công lý và công ích

Nền tảng tư tưởng Tôma trong suy tư của Francisco de Vitoria bắt đầu từ bản tính con người. Con người hướng đến những điều thiện nhất định và đạt được chúng thông qua các nhân đức.

Trong số các nhân đức, công lý giữ một vị trí đặc biệt. Trong khi những nhân đức luân lý khác điều chỉnh các đam mê của chính mình, công lý hướng hành động của con người đến tha nhân, trao cho mỗi người điều thực sự thuộc về họ. Đối tượng của công lý là điều người khác đáng được nhận: *ius*, nghĩa là điều công chính. Đây chính là từ chúng ta dịch là “quyền”.

Các cuộc tranh luận hiện đại về quyền thường bắt đầu từ chính quyền ấy, như thể quyền có thể tồn tại độc lập. Trái lại, Francisco de Vitoria bắt đầu từ câu hỏi căn bản hơn: con người là loại hữu thể nào?

Điều tương tự cũng đúng với công ích. Người ta thường lo ngại rằng việc viển viễn dẫn công ích có thể đe dọa các quyền cá nhân. Lịch sử của những chế độ độc đoán cho thấy mối lo ngại này hoàn toàn có cơ sở. Tuy nhiên, giải pháp không thể là từ bỏ khái niệm công ích.

Khi được hiểu đúng, công ích không phải là lợi ích của nhà nước đặt trên lợi ích cá nhân, cũng không phải lợi ích của đa số đặt trên lợi ích của thiểu số, càng không đơn thuần là tổng số những lợi ích riêng tư. Công ích là thiện ích của con người trong cộng đồng: những điều kiện xã hội giúp cá nhân, gia đình và các cộng đồng theo đuổi sự phát triển toàn diện đích thực.

Con người không bị hy sinh cho công ích. Trái lại, công ích tồn tại để phục vụ con người trong sự hiệp thông với nhau.

Nhờ đó, Francisco de Vitoria có thể bảo vệ quyền của các dân tộc mà không xóa bỏ các cộng đồng chính trị riêng biệt; đồng thời bảo vệ cộng đồng nhân loại phổ quát mà không phủ nhận những khác biệt chính đáng giữa các dân tộc. Quan niệm về toàn thể thế giới (*orbis*) trong tác phẩm *De potestate civili* thể hiện chính sự quân bình ấy: công ích của toàn thể nhân loại không xóa bỏ công ích của từng cộng đồng chính trị, nhưng mở ra chân trời luân lý rộng lớn hơn cho các cộng đồng ấy.

Vì thế, cuộc khủng hoảng trong diễn ngôn về quyền con người ngày nay không phải do chúng ta có quá nhiều quyền, nhưng do chúng ta đã đánh mất một quan niệm rõ ràng về con người, vốn giúp các quyền trở nên có ý nghĩa. Nếu không có một thiện ích khách quan của con người, những quyền xung đột với nhau sẽ trở thành những sở thích đối nghịch. Nếu không có chân lý về con người, ngay cả phẩm giá cũng có thể bị định nghĩa lại theo quyền lực chính trị hoặc văn hóa.

Francisco de Vitoria sẽ đặt câu hỏi gì cho chúng ta hôm nay?

Nếu Francisco de Vitoria giảng dạy tại Salamanca vào năm 2026, tôi hình dung rằng ngài sẽ không bắt đầu bằng những câu trả lời, nhưng bằng những câu hỏi.

Có lẽ ngài sẽ hỏi: Điều gì xảy ra với các quyền khi chúng bị tách rời khỏi nghĩa vụ? Điều gì xảy ra với tự do khi tự do không còn liên hệ với chân lý? Điều gì xảy ra với chủ quyền khi chủ quyền bị tách khỏi công lý?

Di cư đòi hỏi điều gì nơi cả những người rời bỏ quê hương lẫn những cộng đồng tiếp nhận họ? Những giới hạn luân lý nào phải chi phối chiến tranh? Và liệu tự do kinh tế có thể được duy trì mà không quan tâm đến công ích hay không?

Có lẽ ngài cũng sẽ đặt một câu hỏi mà 500 năm trước chưa thể xuất hiện, nhưng ngày nay nảy sinh một cách tự nhiên từ chính những nguyên tắc của ngài: khi con người tạo ra các hệ thống trí tuệ nhân tạo có khả năng định hình những quyết định về việc ai được tuyển dụng, ai bị giam giữ, ai được chăm sóc y tế và

ai trở thành mục tiêu trong chiến tranh, liệu những hệ thống ấy có thể hoạt động bên ngoài trật tự công lý hay không?

Theo Thánh Tôma Aquinô, tiếp nối tư tưởng của Boethius, con người là một hữu thể cá biệt có bản tính lý trí. Chính lý trí giúp con người có khả năng nhận lãnh điều mình đáng được nhận. Mọi quyền lực tác động đến con người, kể cả quyền lực công nghệ, đều phải chịu sự chi phối của cùng một trật tự luân lý ấy.

Vào thời Francisco de Vitoria, *ius gentium* điều chỉnh các mối quan hệ giữa các dân tộc. Câu hỏi đặt ra cho thời đại chúng ta là liệu chúng ta có đủ khả năng suy nghĩ về mặt luân lý để mở rộng việc quản trị theo công lý đến những người thiết kế, triển khai và đưa ra quyết định thông qua các hệ thống công nghệ này hay không.

Sứ vụ tông đồ hay “công tác xã hội”?

Một số người băn khoăn liệu việc vận động bảo vệ quyền con người, chăm sóc môi trường hay giúp người nghèo được tiếp cận nguồn nước sạch có phải chỉ là những hoạt động “công tác xã hội” có giá trị, chứ không thực sự thuộc về sứ vụ tông đồ Đa Minh hay không.

Vấn đề này càng được chú ý khi Đức Thánh Cha Lêô XIV chọn ý cầu nguyện tháng 9 năm 2026 là “chăm sóc nguồn nước”, đồng thời gọi quyền được tiếp cận nguồn nước là một “quyền không biên giới”.

Tư tưởng của Thánh Tôma Aquinô giúp chúng ta hiểu rõ vấn đề này. Giá trị luân lý của một hành động không chỉ được xác định bởi đối tượng bên ngoài hay hành vi vật chất, nhưng còn — và quan trọng hơn — bởi mục đích mà hành động ấy hướng đến. Hai người có thể cùng đào một cái giếng, nhưng ý nghĩa của việc làm ấy phụ thuộc vào mục đích thúc đẩy họ.

Đối với người Kitô hữu, việc phục vụ tha nhân không chỉ dựa trên ích lợi của công việc được thực hiện, nhưng còn bắt nguồn từ phẩm giá của người được phục vụ, bởi họ được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa (*imago Dei*).

Ở đây, công lý và đức ái gặp nhau. Theo Thánh Tôma, đức ái là *forma virtutum* — hình thức làm cho các nhân đức trở nên hoàn thiện — bởi đức ái hướng các hành vi của những nhân đức khác đến cùng đích tối hậu. Vì thế, công lý không đứng tách biệt với đức ái như thể đó là hai con đường hành động Kitô giáo khác nhau. Điều một người đáng được nhận phải được trao trả trong chân trời cuối cùng luôn hướng về Thiên Chúa.

Nếu một quyền diễn tả điều một người đáng được nhận, thì mọi quan niệm về quyền đều đòi hỏi một quan niệm về chính con người sở hữu quyền ấy. Cách Francisco de Vitoria hiểu về các quyền không thể tách rời khỏi quan niệm thần học của ngài về bản tính và phẩm giá con người. Đối với Kitô hữu, con người trước hết được hiểu là thụ tạo được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa (*imago Dei*).

Bảo vệ những gì thuộc về một con người như thế không chỉ là hoạt động vận động xã hội; đó còn là một hình thức làm chứng về thần học.

Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta không phải là rút lui khỏi những hoạt động này, nhưng là làm sáng tỏ nền tảng thần học của chúng. Chứng tá của các tu sĩ Đa Minh như Antonio de Montesinos, Bartolomé de las Casas, Thánh Martinô de Porres, Thánh Rosa Lima, Thánh Agnes Montepulciano và Chân phước Pier Giorgio Frassati cho thấy những công việc phục vụ công lý, lòng thương xót và phẩm giá con người không nhất thiết phải tách biệt khỏi sứ vụ giảng thuyết.

Khi được hiểu và thực hiện đúng đắn, những công việc ấy cũng có thể trở thành những hình thức giảng thuyết đáng tin cậy. Chính Đức Kitô đã đồng hóa sự hiện diện của Người với những người mà chúng ta phục vụ:

“Thầy bảo thật anh em: mỗi lần anh em làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Thầy đây, là anh em đã làm cho chính Thầy” (Mt 25,40).

Chính Thánh Đa Minh cũng từng động lòng thương những người đang đau khổ và chết dần trong một nạn đói nghiêm trọng. Ngài đã bán những cuốn sách quý của mình và “thiết lập một nơi phân phát của bố thí, tại đó người nghèo có thể được nuôi ăn”. Gương sáng của ngài đã đánh động tâm hồn các bạn học và các giáo sư thần học. Nhận ra rằng sự giúp đỡ của mình quá ít ỏi so với lòng quảng đại của người thanh niên này, họ bắt đầu bố thí nhiều hơn.

Hành động của Thánh Đa Minh không phải là một việc bác ái tách rời khỏi sứ vụ giảng thuyết. Theo một nghĩa sâu xa, đó là cách diễn tả *misericordia veritatis* — lòng thương xót của chân lý — được biểu lộ cách trọn vẹn nơi Đức Kitô, Đấng được diễn tả trong tông sắc *Misericordiae Vultus* là “dung mạo lòng thương xót của Chúa Cha” và chính Người tuyên bố: “Thầy là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống.”

Theo Thánh Tôma Aquinô, lòng thương xót là “sự cảm thông sâu xa trước nỗi khổ khổ của người khác, thúc đẩy chúng ta cứu giúp họ nếu có thể”. Chính lòng thương xót được thể hiện bằng hành động thúc đẩy chúng ta chăm sóc tha nhân, chữa lành con người và các mối tương quan, dẫn thân cho công lý và nhờ đó xây dựng hòa bình.

Theo nghĩa này, lòng trắc ẩn của Thánh Đa Minh không chỉ là một cảm xúc, nhưng là hành động cụ thể của đức ái Kitô giáo. Tinh thần ấy vẫn tiếp tục được thể hiện nơi các anh chị em Đa Minh ở nhiều thời đại và nhiều nơi trên thế giới.

Contemplata aliis tradere — trao truyền cho người khác những gì mình đã chiêm niệm — là một nguyên tắc cốt yếu của đời sống Đa Minh.

Một cách thức để chiêm niệm và trao truyền “lòng thương xót của chân lý” được thể hiện nơi các nhà thần học Salamanca. Họ đặt ra những câu hỏi khó khăn, suy xét chúng dưới ánh sáng đức tin và lý trí, rồi chia sẻ thành quả nghiên cứu với các anh em bên kia Đại Tây Dương, những người áp dụng các thành quả ấy vào những thách đố cụ thể mà họ gặp phải.

Tuy nhiên, còn một cách khác để thực hiện nguyên tắc *contemplata aliis tradere* mà chúng ta không nên bỏ qua.

Khi ca ngợi Thánh Martinô de Porres, Đức Hồng y Joseph Ratzinger, sau này là Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI, nhận xét:

“Những vị thánh lớn trong lĩnh vực xã hội thực ra luôn là những vị thánh lớn của Bí tích Thánh Thể. [...] Thánh Martinô sống nhờ việc tôn thờ Chúa hiện diện trong Bí tích Thánh Thể; ngài dành trọn những đêm dài cầu nguyện trước Chúa chịu đóng đinh trong Nhà Tạm, còn ban ngày thì không một mối chăm sóc người bệnh và giúp đỡ những người bị xã hội gạt bỏ, khinh miệt.”

Việc Thánh Martinô chăm sóc người bệnh và những người bị loại trừ bắt nguồn từ đời sống chiêm niệm của ngài. Được bén rễ trong việc chiêm ngắm Đức Kitô, dung mạo lòng thương xót của Chúa Cha, công

việc phục vụ của ngài trở thành một cách thực thi sứ vụ giảng thuyết Đa Minh: điều ngài đón nhận trong cầu nguyện được trao truyền cho tha nhân bằng hành động.

Đó chính là cốt lõi của *contemplata aliis tradere*: chiêm niệm không phải là mục đích khép kín trong chính người chiêm niệm, nhưng là ân huệ được đón nhận và trao ban vì lợi ích của người khác.

Đúng là xét về hình thức bên ngoài, những hoạt động ấy có thể giống với công tác nhân đạo hay xã hội. Nhưng điều làm nên đặc tính tông đồ Đa Minh của chúng chính là chân lý được chiêm niệm, đức ái thúc đẩy hành động và cùng đích mà hành động ấy hướng đến.

Các tu sĩ Đa Minh tại Liên Hiệp Quốc

Trong các Tổng hội và đôi khi trong những chuyển kinh lý, các tu sĩ nêu lên một câu hỏi căn bản: Tại sao Dòng hiện diện tại Liên Hiệp Quốc? Làm thế nào Dòng có thể tham gia cách xây dựng vào một tổ chức mà các chính sách và cách diễn giải ngày càng thay đổi về quyền con người không phải lúc nào cũng phù hợp với giáo huấn Công giáo, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến phá thai, ngừa thai, triệt sản, hôn nhân, tính dục và quan niệm về giới?

Trước hết, cần hiểu rằng chính Tòa Thánh, dù duy trì sự hiện diện thường trực tại Liên Hiệp Quốc, cũng đã bày tỏ những bảo lưu và đôi khi phản đối các diễn biến trong những lĩnh vực này. Tuy nhiên, sự hiện diện của Tòa Thánh chưa bao giờ có nghĩa là chấp thuận mọi điều một cách thiếu phê phán.

Tòa Thánh quyết tâm tham gia vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế để bảo vệ phẩm giá con người, hòa bình, công lý, phát triển và các quyền căn bản của con người, đồng thời làm chứng cho chân lý về con người.

Chúng ta cũng cần hiểu sự hiện diện của Dòng theo tinh thần ấy. Chúng ta không hiện diện tại Liên Hiệp Quốc vì đồng ý với mọi điều được đề xuất hoặc thông qua. Chúng ta hiện diện vì Giáo hội có những điều căn bản để đóng góp, và vì truyền thống Đa Minh mang một trách nhiệm đặc biệt: đưa lý trí, chân lý, công lý và phẩm giá con người đến những nơi các vấn đề này được thảo luận và các quyết định được hình thành.

Tuy nhiên, còn một lý do sâu xa hơn. Sự hiện diện của Dòng tại Liên Hiệp Quốc là sự tiếp nối sứ mạng đã được thể hiện nơi Francisco de Vitoria.

Ngài không né tránh những vấn đề lớn của thời đại mình: phẩm giá con người, quyền của các dân tộc, nền tảng của luật pháp và công lý, những giới hạn của quyền lực chính trị và các nghĩa vụ ràng buộc cộng đồng nhân loại với nhau. Ngài đối diện với những vấn đề ấy không phải với tư cách một tác nhân chính trị, nhưng với tư cách một nhà thần học và người giảng thuyết, vận dụng những nguồn lực của đức tin và lý trí để giải quyết các vấn đề mà người khác muốn định đoạt chỉ bằng quyền lực.

Truyền thống ấy còn có trước Francisco de Vitoria. Năm 1511, tu sĩ Đa Minh Antonio de Montesinos đã đến tận nơi xảy ra bất công để rao giảng. Bartolomé de las Casas, được đánh động và hoán cải nhờ lời giảng ấy, đã đưa vấn đề lên nhà vua và Hội đồng Ấn Độ. Francisco de Vitoria, sau khi tiếp nhận các báo cáo từ thực địa, đưa những vấn đề ấy vào giảng đường đại học và xem xét chúng dưới kỷ luật của thần học, luật tự nhiên và *ius gentium*.

Trong tất cả những bối cảnh ấy, ơn gọi Đa Minh vẫn không thay đổi: hiện diện tại những nơi các vấn đề công lý được quyết định; vận dụng các nguồn lực của đức tin và lý trí để soi sáng những vấn đề ấy; và để

ánh sáng Tin Mừng chiếu soi những hoàn cảnh mà sự sống và phẩm giá con người bị hạ thấp bởi những tội lỗi đi ngược lại kế hoạch của Thiên Chúa dành cho công trình tạo dựng.

Chúng ta hiện diện tại Liên Hiệp Quốc vì những vấn đề được thảo luận ở đó cũng là những vấn đề mà truyền thống Đa Minh đã can đảm đối diện. Chúng ta hiện diện ở đó vì Francisco de Vitoria đã đi trước chúng ta, không chỉ bởi một hội trường lớn tại trụ sở Liên Hiệp Quốc ở Genève mang tên ngài hay vì tượng bán thân của ngài được đặt tại trụ sở Liên Hiệp Quốc ở New York, nhưng bởi mục đích trí thức và luân lý đưa chúng ta đến Genève, New York, Vienna hay Nairobi hôm nay vẫn tiếp nối mục đích đã thúc đẩy công trình của ngài tại Salamanca cách đây năm thế kỷ.

Kỷ niệm 500 năm Francisco de Vitoria giảng dạy tại Salamanca không chỉ là nhớ lại những gì ngài đã giảng dạy, nhưng còn là làm mới sứ mạng mà tư tưởng của ngài mời gọi chúng ta thực hiện: phân định, với sự trung thực về trí tuệ và lòng can đảm luân lý, xem công lý đòi hỏi chúng ta điều gì trong hoàn cảnh của thời đại mình.

Cha Gerard Francisco Timoner III, OP

Cha Bề trên Tổng quyền Dòng Anh Em Giảng Thuyết

Rôma, ngày 1 tháng 10 năm 2026

Mã văn thư: 50/26/403 – Thư gửi toàn Dòng